

Yên Châu, ngày 29 tháng 3 năm 2026

**BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN**

1.	Tổng số học sinh của trường	378	Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm	47	Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	331	Học sinh	Tiền ăn:	7.000	đồng	= 2.317.000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	331	Học sinh	Tiền ăn:	23.000	đồng	= 7.613.000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	331	Học sinh	Tiền ăn:	23.000	đồng	= 7.613.000 đồng
8.	Tiền thu:	17.543.000	đồng				
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	17.543.000	đồng				
10.	Tiền thiếu:						0 đồng

**Đơn vị thực hiện :**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	99,3	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	15,0	50.000	750.000	
3	Nước mắm	Lít	2,0	13.800	27.600	
4	Mỳ chính	Kg	2,0	55.000	110.000	
5	Bột canh	Kg	2,0	20.000	40.000	

6	Muối trắng	Kg		7.000	-	
7	Nước rửa bát	Lít	6,8	38.000	258.400	
8	Nước lau nhà	Lít	7,2	30.000	216.000	
9	Gas đun bếp	Kg	25,0	36.000	900.000	
10	Mỳ Tôm	Gói	331,0	4.000	1.324.000	
11	Trứng gà	Quả	331,0	3.300	1.092.300	
12	Thịt lợn kho	Kg	41,0	120.000	4.920.000	
13	Trứng gà(kho thịt)	Quả	331,0	3.300	1.092.300	
14	Đường kho thịt	Kg	1,0	25.000	25.000	
15	Cải Thảo (xào)	Kg	53,7	12.000	644.400	
16	Cải ngọt (Canh)	Kg	19,0	12.000	228.000	
17	Củ đậu trắng miệng	Kg	22,0	18.000	396.000	
18	Gà rang xả ớt	Kg	50,1	80.000	4.008.000	
19	Đậu phụ chiên	Kg	38,0	20.000	760.000	
20	Cải thảo (Canh)	Kg	19,0	12.000	228.000	
21	Củ đậu trắng miệng	Kg	22,0	18.000	396.000	
22	Củ xả	Kg	1,0	20.000	20.000	
23	Hành khô	Kg		40.000	-	
24	Ớt tươi	Kg	0,6	45.000	27.000	

25	Tỏi	Kg		40.000	-	
26	Hành lá	Kg	2,0	40.000	80.000	
					<b>17.543.000</b>	

**BỘ PHẬN NHÀ BẾP**



**Lò Thị Hương**

**THANH TRA NHÂN DÂN**



**Hoàng Thái Bình**

**KẾ TOÁN**



**Nguyễn Văn Mười**

**ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG**



**Lưu Văn Khải**

